

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN  
YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20 /2025/HNGĐ-ST

Ngày 22-4-2025

Về việc ly hôn, tranh chấp  
nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Hồng Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lục Viết Sang;  
2. Ông Trần Hải Đăng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Triệu Quang Hưng, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lăng Thị H, sinh năm 1986 - (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Bản Rừng Dài, xã Tam Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Bản Trại Lót, xã Tam Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Vũ Văn N - Luật sư thuộc Công ty L1 - Đoàn luật sư tỉnh B - địa chỉ trụ sở: Số E, đường N, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh - (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng V, sinh năm 1979 - (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện, bản ghi ý kiến, biên bản hòa giải và lời khai trong hồ sơ vụ án chị Lăng Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hồng V có được tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang vào ngày 25/03/2005. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: do vợ chồng trong cách sống, lối sống khác nhau, mâu thuẫn giữa mẹ chồng, nàng dâu. Đến 18/4/2024 mâu thuẫn trở lên trầm trọng, chị ra ngoài thuê nhà ngoài ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Hồng V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 20/6/2006; cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 21/10/2008 và cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 01/3/2011. Hiện cháu P đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết còn cháu L, cháu H1 khỏe mạnh, phát triển bình thường, đang đi học và đang ở cùng anh V và ông bà nội. Sau khi ly hôn chị hiện chưa có nơi ở ổn định nên đồng ý giao cháu H1, cháu Phương L cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng và chị không có nghề nghiệp ổn định nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: không yêu cầu tòa án giải quyết.

\* Tại biên bản hòa giải và lời khai trong hồ sơ vụ án ông Vũ Văn N trình bày: Ông là luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H ông hoàn toàn nhất trí với ý kiến chị H và không có ý kiến bổ sung gì.

\* Tại bản ghi ý kiến, biên bản hòa giải và lời khai trong hồ sơ vụ án anh Nguyễn Hồng V trình bày:

Anh đã nghe rõ lời trình bày của chị H. Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng như sau: Anh và chị Lăng Thị H là người cùng làng, cùng xã và biết nhau từ nhỏ, lớn lên tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang vào ngày 25/3/2005, được hai bên gia đình đồng ý thì tổ chức hôn lễ theo nghi thức truyền thống và sống cùng bố mẹ anh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2024 thì mâu thuẫn do chị H không tôn trọng bố mẹ chồng và chồng, không chăm sóc con và chửi mẹ chồng trên mạng xã hội nên anh có đuổi chị H ra khỏi nhà. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 20/6/2006; cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 21/10/2008 và cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 01/3/2011. Hiện cháu P đã trưởng thành anh không yêu cầu giải quyết còn cháu L, cháu H1 khỏe mạnh, phát triển bình thường, đang đi học và đang ở cùng anh và ông bà nội. Sau khi ly hôn anh xin được là người trực tiếp nuôi cháu H1 và cháu Phương L nhưng anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng (một triệu năm trăm

ngàn đồng một cháu một tháng) đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tại bản ý kiến ngày 27/3/2025 anh V thay đổi ý kiến về phần cấp dưỡng nuôi con chung: sau thời gian suy nghĩ và thỏa thuận với chị H thì anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung và sẽ tự thỏa thuận với chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại biên bản xác minh ngày 21/3/2025 chính quyền địa phương xã T cung cấp như sau: Chị H là người bản Trại Lốt, xã T, còn anh V là người bản Rừng Dài, xã T. Sau quá trình tìm hiểu thì chị H, anh V tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang vào ngày 25/3/2005. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H anh V có mâu thuẫn từ năm 2011 do vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, mâu thuẫn về kinh tế, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu và vợ chồng chị H anh V sống ly thân từ năm 2024 đến nay, chị H đã thuê nhà ở riêng. Vợ chồng chị H, anh V có 03 con chung: cháu Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 20/6/2006; cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 21/10/2008 và cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 01/3/2011. Cháu P đã trưởng thành còn cháu L, cháu H1 đều khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng anh V. Đối chiếu với các quy định về trợ giúp pháp lý, quy định về miễn giảm án phí, lệ phí thì chị H, anh V đều không thuộc đối tượng. Chị H, anh V không thuộc hộ nghèo, không thuộc hộ cận nghèo, không thuộc đối tượng chính sách.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2025 đối với cháu Nguyễn Mạnh H1 cho biết như sau: Cháu là con ruột của bố Nguyễn Hồng V, mẹ Lăng Thị H. Hiện cháu đang học lớp 8A trường Trung học cơ sở xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hiện cháu đang ở cùng bố (anh Nguyễn Hồng V) ở bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trong cuộc sống thì bố mẹ cháu có mâu thuẫn và mẹ cháu đã đi ra ngoài ở riêng, hiện tại bố mẹ cháu đã sống ly thân, Nay cháu được Tòa án thông báo bố mẹ cháu đang giải quyết ly hôn tại Tòa án, cháu mong Tòa án giải quyết để bố mẹ cháu về với nhau nhưng nếu không được thì cháu có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn cháu được ở với bố là anh Nguyễn Hồng V.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2025 đối với cháu Nguyễn Thị Phương L cho biết như sau: Cháu là con ruột của bố Nguyễn Hồng V, mẹ Lăng Thị H. Hiện cháu đang học lớp K15A7 Trường cao đẳng N1 núi Bắc Giang. Hiện cháu đang ở cùng bố (anh Nguyễn Hồng V) ở bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trong cuộc sống thì bố mẹ cháu có mâu thuẫn và mẹ cháu đã đi ra ngoài ở riêng, hiện tại bố mẹ cháu đã sống ly thân. Nay cháu được Tòa án thông báo bố mẹ cháu đang giải quyết ly hôn tại Tòa án, cháu mong Tòa án giải quyết để bố mẹ cháu đoàn tụ nhưng nếu không được thì cháu có nguyện vọng ở với bố là Nguyễn Hồng V.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lăng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hồng V.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Hồng V nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Phương L sinh ngày 21/10/2008 và cháu Nguyễn Mạnh H1 sinh ngày 01/3/2011. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không giải quyết.

- Về án phí: Chị Lăng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H xin ly hôn anh V; Anh V có địa chỉ cư trú tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho cho chị H, ông N, anh V và chị H, ông N, anh V đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, ông N, anh V.

#### **[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh V có đăng ký kết hôn ngày 25/3/2005 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của chị H, anh

V, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương có căn cứ khẳng định: Vợ chồng chị H, anh V xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, mâu thuẫn về kinh tế, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, vợ chồng chị H, anh V mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh V. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn anh V là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con: Vợ chồng chị H, anh V có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 20/6/2006; cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 21/10/2008 và cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 01/3/2011. Hiện cháu P đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường, chị H và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung. Còn cháu L, cháu H1 hiện khỏe mạnh, phát triển bình thường, đang đi học và ở cùng với anh V. Anh V có nguyện vọng nuôi cháu L, cháu H1; Chị H có nguyện vọng giao cháu L, cháu H1 cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng; Cháu L, cháu H1 đều có nguyện được ở cùng anh V. Xét thấy từ khi ly thân cho đến nay cháu L, cháu H1 ở cùng anh V và các đương sự, các cháu đều có nguyện vọng để anh V nuôi dưỡng cháu L, cháu H1. Để ổn định cuộc sống và học tập của cháu L, cháu H1 nên cần giao cháu L, cháu H1 cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**[3] Về án phí:** Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lăng Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết

số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lăng Thị H: Xử cho chị Lăng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hồng V.

3. Về việc nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Hồng V được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 21/10/2008 và cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 01/3/2011. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Lăng Thị H thực hiện quyền này.

4. Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Chị Lăng Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001832 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị Lăng Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Tam Tiến, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Lê Hồng Thảo**